

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/05/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+CTK3	7:25	20+1+1	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
2		HSD+CLO	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
3		P4+P10+RC3	7:25	21+1+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
4		TD1+CLO	7:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
5		PVD3	9:25	22	0		22	0	
6		BK8+BK10+TD1	9:25	6+0+12	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
7		P5+P4	9:25	15+6	0+0		13+9	0+0	
8		P7+TD5	9:25	18+4	0+0		14+5	0+0	
9		P3+P2	11:25	14+8	0+0		11+10	0+0	
10		RP1+PVD3	11:25	11+5+6	0+0+0		4+8+9	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2021	TO: AMD - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

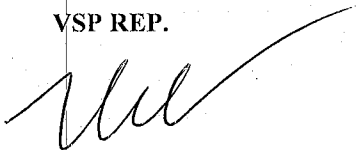
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	AMD	57	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
2	K LỘC	AMD	44	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THANH	AMD	35	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SANH	AMD	37	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	36	1	5	90	85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN SAU	AMD	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TUNG	AMD	41-42	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	43	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	HO TRAN PHUONG DONG	AMD	50-51	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN DONG	AMD	49	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI BA HUNG	AMD	48	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	Dinh Huu Tinh	AMD	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC TUAN	AMD	38	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE PHAN NGOC CHAU	AMD	45	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO QUANG HUAN	AMD	32	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU CUONG	AMD	33-34	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN GIANG	AMD	30	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO TRI HUNG	AMD	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LY CAO THANG	AMD	39	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TAN VUONG	AMD	31	1	7		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN NINH BINH	CTK3	02	1	5		70	WOGC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

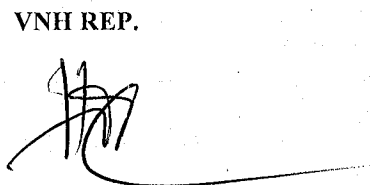
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	23	126	1.365	90	20		
2	CTK3	1	1	5	70	0	1		
TOTAL		21	24	131	1.435	90	21		
WEIGHT KG				131	1.435	90			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

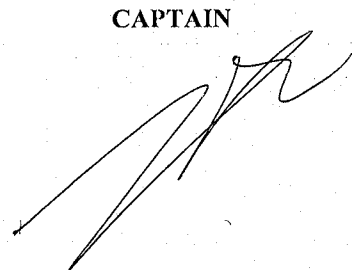
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: HSD - CLO	CREW: TUYỀN - MTHAO - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THU	HSD	31	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	30	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI CUÔNG	HSD	27-28	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HSD	29	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
5	DATSKO	CLO	31	1	10	20	106	KHOAN	Russian
6	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	13	1	10	85	76	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN TRUNG THANH	CLO	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	33	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC LUAN	CLO					90	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CHIẾN THANG-PVD	CLO	28	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	CHU ĐỨC AI	CLO	27	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN HỮU SƠN	CLO	26	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	21	1	8		59	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TÂM	CLO	23	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	22	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	15	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN KHUU	CLO	32	1	10		59	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN MUỘI	CLO	34	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ NGỌC LUÂN	CLO	35	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MẠNH	CLO	25	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ QUANG ĐẠO	CLO	24	1	14		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

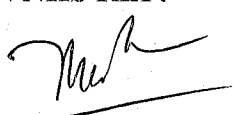
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	5	36	275	0	3		
2	CLO	18	17	134	1.288	105	19		
TOTAL		22	22	170	1.563	105	22		
WEIGHT KG				170	1.563	105			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

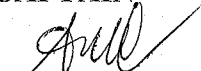
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - P10 - RC3	CREW: QViệt - Linh - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	P4	44-45	2	20	90	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	P4	47	1	10	25	62	CODIEN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN TRUNG	P4	50	1	6		70	YTE	Vietnamese
4	VŨ MẠNH HÀ	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC HUNG	P4					58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY THAI	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	40	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THAI SƠN	P4	43	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	37	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THĂNG	P4	39	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGỌC TUẤN	P4	41	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NHAN HAI	P4	46	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	38	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ MẠNH DŨNG	P4	48	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU THẢO PVD	P4	35	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU VĂN ĐẠT	P4	49	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN KHOAI	P4	42	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HUY CHUÔNG PVD	P4	34	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO QUANG THANG	P10	15	1	10	40	76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	17	129	1.363	115	16		
2	P10	1	1	10	76	40	2		
3	RC3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	18	139	1.439	155	22		
WEIGHT KG				139	1.439	155			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: TD1 - CLO	CREW: MTHẮNG - Dương - ĐANG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAYSOV A.X	TD1					105	KHOAN	Russian
2	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	60	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG VĂN MINH	TD1	54	1	3	20	64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	58	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
6	MAI VĂN HỘI	TD1	57	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	61	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MINH THẮNG-PVD	TD1	59	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
9	TRANG NGỌC HUNG	CLO	77	1	11		71	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH QUANG CHIẾN	CLO	73	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN BA THUẬN	CLO	71	1	15		71	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC KHOA	CLO	74	1	10		88	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM HOÀNG	CLO	69-70	2	12	43	62	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN TOÀN THẮNG	CLO	68	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH CƯỜNG	CLO	72	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
16	CHU TUẤN ANH	CLO	67	1	11		64	CODIEN	Vietnamese
17	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	66	1	6	35	65	DVL	Vietnamese
18	NGÔ TRI HOÀNG	CLO	65	1	8	40	66	DVL	Vietnamese
19	HOÀNG HỮU THỌ	CLO	76	1	5		74	PSV	Vietnamese
20	TÔNG VĂN THẾ	CLO	75	1	14		79	SCHLUMB	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CLO	78-79	2	18		58	SCHLUMB	Vietnamese
22	VŨ TẤN HOÀ	CLO	80-81	2	20		70	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	6	29	596	20	7		
2	CLO	14	17	160	980	118	15		
TOTAL		22	23	189	1.576	138	22		
WEIGHT KG				189	1.576	138			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2021	TO: PVD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - Toan	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN THANH	PVD3	15-18	4	17		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG TUAN ANH	PVD3	22-23	2	17		65	PVD OFFSH	Vietnamese
3	NGUYEN CAO HAN	PVD3	05	1	8		60	PVD OFFSH	Vietnamese
4	TRAN THANH PHUONG	PVD3	19-20	2	17		70	PVD OFFSH	Vietnamese
5	VU NGOC KHUYEN	PVD3	03-04	2	15		68	PVD OFFSH	Vietnamese
6	BENJAMIN NEIL JONES	PVD3	02	1	10		110	PVD - DD	Australian
7	JOHN MURDOCH	PVD3	07	1	10		12	PVD - DD	British
8	RON BROWN	PVD3	13-14	2	17		105	PVD - DD	American
9	TRAN MINH TAM	PVD3	26	1	8		65	PVD OFFSH	Vietnamese
10	DO DUC ANH	PVD3	25	1	5		75	PVD OFFSH	Vietnamese
11	NGUYEN DUY HUNG	PVD3	27	1	5		65	PVD OFFSH	Vietnamese
12	NGUYEN PHUONG KHANH	PVD3	28	1	5		70	PVD OFFSH	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DUY	PVD3	06	1	7		65	PVD OFFSH	Vietnamese
14	CAO HUU PHUOC	PVD3	24	1	5		55	PVD OFFSH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN PHUC	PVD3	01	1	10		65	PVD OFFSH	Vietnamese
16	NGUYEN THANH CONG	PVD3	29	1	5		76	PVD OFFSH	Vietnamese
17	TRAN SON DAI	PVD3	63	1	5		65	PVD OFFSH	Vietnamese
18	DANG THE THANH	PVD3	12	1	5		76	PVD OFFSH	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN DUNG	PVD3	09-10	2	15		85	PVDWS	Vietnamese
20	DUONG MANH QUYET	PVD3	08	1	5		75	PVDWS	Vietnamese
21	NGO XUAN DIEN	PVD3	11	1	10		70	PVDWS	Vietnamese
22	BUI ANH PHUONG	PVD3	21	1	5		70	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

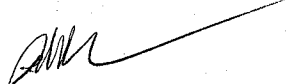
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD3	22	30	206	1.537	0	22		
	TOTAL	22	30	206	1.537	0	22		
	WEIGHT KG			206	1.537	0			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

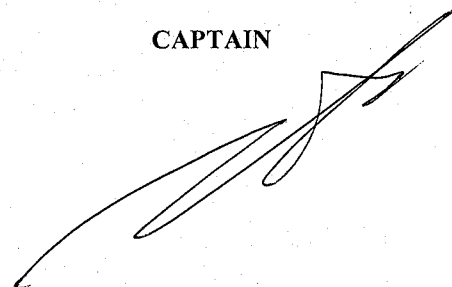
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: BK8 - BK10 - TD1	CREW: TUYỀN - MTHAO - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	BK8	04	1	10	38	85	KH-THAC	Russian
2	ĐẶNG TRONG BÀI	BK8	02	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	BK8	03	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN TRƯỞNG	BK8	06-07	2	11	80	65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ THANH BÌNH	BK8	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỮU HÀ	BK8	01	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN DUY	TD1	74	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN HOÀN	TD1	75	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					52	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN NINH	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VĂN LỢI	TD1	65	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHÚ	TD1	66-67	2	14		67	MI-SWASC	Vietnamese
13	TẠ HỮU HỒ	TD1	71-73	3	14		66	MI-SWASC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN TRỌNG	TD1	69	1	10		58	MI-SWASC	Vietnamese
15	TRINH QUANG TIẾN	TD1	70	1	10		72	MI-SWASC	Vietnamese
16	LƯU BÀ XƠ	TD1	77	1	14	24	81	DVL	Vietnamese
17	LÊ QUỐC THUẬN	TD1	68	1	4		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THÔNG	TD1	63-64	2	14		66	SCHLUMB	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY KIỆM	TD1	76	1	10		70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	6	7	60	436	118	0		
2	BK10	0	0	0	0	50	4		
3	TD1	13	15	108	898	24	18		
TOTAL		19	22	168	1.334	192	22		
WEIGHT KG				168	1.334	192			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: P5 - P4	CREW: QViệt - Linh - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRỌNG HIẾU	P5	67	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	P5					74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHÚC	P5	62	1	3		47	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	63	1	6	70	74	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	61	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THÀNH	P5	64	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	55	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	53-54	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG BA VỊNH	P5	60	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HỮU TƯỜNG	P5	52	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH NAM	P5	56-57	2	18		68	CODIEN	Vietnamese
12	TẠ QUANG THANH	P5	58-59	2	11		67	YTE	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	68	1	6		55	PSV	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TINH	P5	66	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HÙNG	P5	69	1	12		69	DK9	Vietnamese
16	LÊ QUANG THẮNG	P4	25	1	6	15	60	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ TÂN DŨNG	P4	26	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG TRUNG	P4	20	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	22-23	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	24	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	P4	21	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	15	17	104	1.000	70	13		
2	P4	6	7	36	414	55	9		
TOTAL		21	24	140	1.414	125	22		
WEIGHT KG				140	1.414	125			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: P7 - TD5	CREW: MTHĂNG - Dương - ĐANG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THANH	P7	99	1	4	75	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P7					85	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P7	04-05	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	92	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN LỢI	P7	300	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRỌNG AN	P7	90	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	97-98	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THIÊN	P7	89	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG KHÔI NGUYỄN	P7	95-96	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯƠNG VĂN LUÔNG	P7	85-86	2	17		92	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HỒNG HAI	P7	02	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM VĂN QUANG	P7	87	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TRUNG KIẾN	P7	91	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HOANG SANG	P7	88	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRUNG TUÂN	P7	94	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUÂN TÂM	P7	93	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VIỆT HUNG	P7	01	1	7		77	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC CUÔNG	P7	03	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	DOMIN YURI	TD5	57	1	8		91	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH TIEN	TD5	48-49	2	13		85	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ THANH THAI	TD5	47	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN THẾ DUNG	TD5	50-51	2	20		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	18	21	191	1.339	75	14		
2	TD5	4	6	56	334	0	5		
TOTAL		22	27	247	1.673	75	19		
WEIGHT KG				247	1.673	75			

GRAND TOAL: 1.995 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: P3 - P2	CREW: HUNG - ĐNam - Huy	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VIỆT	P3	53	1	4	40	71	GETRACO	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KIẾN	P3	48	1	6		55	GETRACO	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HOÀI	P3	58	1	8		57	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P3					82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN ĐẠM	P3	47	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN MINH HOÀI	P3	44	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SỸ CÔNG	P3	46	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ MẠNH HUNG	P3	51	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	50	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THIÊN THANH	P3	45	1	8		89	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	43	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC HUNG	P3	52	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH NGỌC TÚ	P3	49	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG ĐỨC HAI	P3	54	1	13		66	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	68-69	2	10	40	63	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRƯỞNG DIỄN	P2	70-72	3	20		71	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG THỊNH	P2	74	1	6	5	75	PSV	Vietnamese
18	BUI HUU TRI	P2	73	1	6		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	14	13	90	1.003	40	11		
2	P2	4	7	42	265	45	11		
TOTAL		18	20	132	1.268	85	22		
WEIGHT KG				132	1.268	85			

GRAND TOAL: 1.485 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: RP1 - PVD3	CREW: TUYỀN - CHIẾN - DTùng	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH ĐỨC	RP1	71	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
2	PHAN TRỌNG THẮNG	RP1	88	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG BA ĐỨC	RP1	80-81	2	18		84	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG THANH BÌNH	RP1	82	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ VĂN NHIỆM	RP1	79	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
6	HỒ VĂN DUYỆT	RP1	90	1	5	15	64	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HIỆP	RP1	86-87	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
8	DUONG VAN QUAN	RP1	73	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN CAO	RP1	76	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TRƯỞNG	RP1	83-84,89	3	10	17	70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TOÀN	RP1	77	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỘC	RP1	78	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	RP1	74	1	12	12	65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	RP1	72	1	5		52	PSV	Vietnamese
15	DO VĂN QUANG	PVD3	35	1	10		71	PSV	Vietnamese
16	DUONG VAN TU	PVD3	36	1	8		56	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	PVD3	33-34	2	18		85	HALLIBURTON	Vietnamese
18	LE HAI DUONG	PVD3	37	1	10		81	OFB	Vietnamese
19	THAI MINH HAI	PVD3	30	1	12	20	77	OFB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	14	18	160	949	44	9		
2	PVD3	5	6	58	370	20	8		
TOTAL		19	24	218	1.319	64	17		
WEIGHT KG				218	1.319	64			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN